UBND TỈNH ĐĂK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 273 /QĐ-SGDĐT

Gia Nghĩa, ngày 01 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
V/v Cấp giấy chứng nhận học sinh đạt giải học sinh giỏi tỉnh cấp THCS năm học 2018 - 2019

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ–UBND ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở GDĐT tỉnh Đắk Nông;

Thực hiện Công văn số 164/SGDĐT-GDTrH, QLCL ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông, về việc Hướng dẫn tổ chức thi chọn học sinh giỏi tỉnh cấp THCS năm học 2018-2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục trung học - Quản lý chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận học sinh giỏi cho 193 em đạt giải tại kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh cấp THCS năm học 2018- 2019 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Giáo dục trung học - Quản lý chất lượng, Trưởng phòng Tổ chức – Tài chính và các học sinh có tên tại Điều 1. chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu VT, GDTrH-QLCL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐĂK NÔNG

Phan Thanh Hải

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG

KỲ THI CHỌN HSG TỈNH CẤP THCS NĂM 2019

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT GIẢI KỲ THI CHỌN HSG TỈNH CẤP THCS NĂM HỌC 2018-2019

TT	Môn thi	Phòng GDĐT	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Dân tộc	Nam /Nữ	Nơi học		Điểm thi			Đạt giải
				Ngày	Tháng	Năm				Lớp	Trường	Tự luận	Thi nói	Tổng	
1	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Lục Phương Quỳnh Anh	31	12	2004	Đăk Nông	Thái	Nữ	9	THCS Phạm Hồng Thái	11,50		11,50	Ba
2	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Phạm Thảo Vy	24	7	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Phan Đình Phùng	12,25		12,25	Ba
3	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Trịnh Thị Hồng Mai	28	10	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Hồng Thái	13,00		13,00	Nhì
4	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Vũ Thị Thu Mai	27	5	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Cao Bá Quát	13,00		13,00	Nhì
5	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Vũ Anh Tuấn	31	1	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Tất Thành	11,75		11,75	Khuyến khích
6	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Nguyễn Thị Hồng Thanh	14	2	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Hoàng Văn Thụ	12,00		12,00	Khuyến khích
7	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Bùi Tuấn Kha	22	11	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Phạm Văn Đồng	13,25		13,25	Khuyến khích
8	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Hoàng Đức Thiện	17	9	2004	Đăk Nông	Tày	Nam	9	THCS Cao Bá Quát	13,25		13,25	Khuyến khích
9	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Hoàng Văn Phúc	11	3	2004	Đăk Lăk	Nùng	Nam	9	THCS Phạm Hồng Thái	13,50		13,50	Ba
10	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Nguyễn Lê Thanh Hà	2	5	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Văn Đồng	14,00		14,00	Ba
11	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Trần Thị Bích Ngọc	2	1	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Cao Bá Quát	8,00		8,00	Khuyến khích
12	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Vi Thị Nhung	5	2	2004	Đăk Nông	Thái	Nữ	9	THCS Phạm Hồng Thái	9,00		9,00	Khuyến khích
13	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Trần Thúy Hiền	8	9	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Cao Bá Quát	10,00		10,00	Ba
14	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Võ Thị Thanh Huyền	4	5	2004	Đăk Nông	Thái	Nữ	9	THCS Cao Bá Quát	10,50		10,50	Khuyến khích
15	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Hoàng Yến Ngọc	4	4	2004	Đăk Lăk	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Hồng Thái	11,50		11,50	Ba
16	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Vũ Thị Thanh Thảo	26	11	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Hồng Thái	11,50		11,50	Ba
17	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Phạm Thị Thanh Thảo	9	2	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Tất Thành	9,50		9,50	Khuyến khích
18	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Phạm Kim Khánh	28	7	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Tất Thành	12,25		12,25	Nhì
19	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Lê Thị Hồng Anh	5	1	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Văn Đồng	11,75	3,00	14,75	Ba
20	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Hoàng Nguyễn Hoài Thương	4	3	2004	Đăk Nông	Nùng	Nữ	9	THCS Nguyễn Tất Thành	12,00	3,50	15,50	Ba
21	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Nguyễn Phan Ngọc Uyên	12	1	2004	Đăk Lăk	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Văn Đồng	11,60	4,00	15,60	Nhì
22	Tin học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Ninh Thị Mỹ Hạnh	20	11	2005	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Cao Bá Quát	7,80		7,80	Khuyến khích
23	Tin học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Hoàng Thị Chi Phương	6	4	2005	Đăk Nông	Nùng	Nữ		THCS Cao Bá Quát	7,92		7,92	Khuyến khích
24	Tin học	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Lê Thị Tố Nữ	4	8	2005	Đăk Nông	Kinh	Nữ		THCS Cao Bá Quát	10,80		10,80	Ba
25	Toán	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Lê Thị Ngọc Anh	1	2	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Văn Đồng	9,75		9,75	Khuyến khích
26	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Đặng Ngọc Hải Triều	4	2	2004	Hà Nội	Kinh	Nam	9	THCS Cao Bá Quát	8,50		8,50	Khuyến khích
27	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Vũ Phương Uyên	10	2	2004	Khánh Hòa	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Văn Đồng	10,00		10,00	Khuyến khích

TT	Môn thi	Phòng GDĐT	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Dân tộc	Nam /Nữ	Nơi học		Điểm thi			Đạt giải
				Ngày	Tháng	Năm				Lớp	Trường	Tự luận	Thi nói	Tổng	
28	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Lê Thị Phương Anh	1	2	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Văn Đồng	11,75		11,75	Ba
29	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Nghiêm Thị Ngọc Thảo	3	3	2004	Đắk Lắk	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Văn Đồng	13,25		13,25	Nhì
30	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Cư Jút	Phạm Thị Minh Trang	21	3	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Phạm Văn Đồng	15,50		15,50	Nhất
31	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Ma Thị Cúc	2	10	2004	Đắk Nông	Tày	Nữ	9B	THCS Quảng Hòa	9,00		9,00	Khuyến khích
32	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Mai Lê Mỹ Uyên	5	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A4	THCS Nguyễn Du	13,75		13,75	Nhất
33	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Ngô Thảo Nguyên	24	10	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A2	THCS Chu Văn An	11,75		11,75	Khuyến khích
34	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Trịnh Thị Mai Hoa	19	5	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A4	THCS Nguyễn Du	14,50		14,50	Nhì
35	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Lê Thị Diễm	12	10	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Du	16,00		16,00	Nhì
36	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Trần Thị Anh Đào	06	9	2004	Bình Phước	Kinh	Nữ	9A2	THCS Chu Văn An	8,00		8,00	Khuyến khích
37	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Vũ Thị Hương	10	3	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A3	THCS Nguyễn Du	10,50		10,50	Khuyến khích
38	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Lê Ngọc Ánh Quỳnh	5	8	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A3	THCS Nguyễn Du	11,00		11,00	Khuyến khích
39	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Du	12,00		12,00	Nhì
40	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Glong	Trịnh Mai Kim Hoa	20	11	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Hoàng Văn Thụ	12,50		12,50	Nhì
41	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Hà Bích Diệp	10	5	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Lợi	9,50		9,50	Khuyến khích
42	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Trần Thị Vân Anh	3	4	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Lợi	10,25		10,25	Khuyến khích
43	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Thị Kim Oanh	29	8	2004	Đắk Lắk	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Lợi	11,00		11,00	Ba
44	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Bùi Thị Linh Chi	24	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Hồng Phong	11,50		11,50	Ba
45	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Thị Liên	30	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Lợi	12,00		12,00	Ba
46	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Ngọc Gia Nghi	9	11	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Tất Thành	14,25		14,25	Ba
47	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Đình Phú	14	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Lê Lợi	16,00		16,00	Nhì
48	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Công Thành	30	3	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Phan Chu Trinh	16,75		16,75	Nhì
49	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Ngô Nữ Quỳnh Như	28	6	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Hồng Phong	8,00		8,00	Khuyến khích
50	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Trần Ngọc Uyên	4	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Hồng Phong	8,00		8,00	Khuyến khích
51	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Lê Văn Hoàng	28	7	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Chí Thanh	8,75		8,75	Khuyến khích
52	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Hoàng Nữ Hương Giang	2	9	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Hồng Phong	9,00		9,00	Khuyến khích
53	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Lê Thị Kim Loan	15	3	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Hồng Phong	10,50		10,50	Ba
54	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Đặng Trúc Quỳnh	26	3	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Chu Văn An	10,50		10,50	Khuyến khích
55	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Hoàng Thảo Vi	02	8	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Phan Chu Trinh	10,50		10,50	Khuyến khích
56	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Thị Tường Vy	29	3	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Tất Thành	10,50		10,50	Khuyến khích
57	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Lê Thị Diệu Quyên	28	2	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Chí Thanh	11,00		11,00	Khuyến khích

TT	Môn thi	Phòng GDĐT	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Dân tộc	Nam /Nữ	Nơi học		Điểm thi			Đạt giải
				Ngày	Tháng	Năm				Lớp	Trường	Tự luận	Thi nói	Tổng	
58	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Võ Nữ Huyền Linh	9	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Hồng Phong	12,00		12,00	Nhì
59	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Dương Xuân Tân	15	09	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Lê Quý Đôn	12,50		12,50	Nhì
60	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Võ Thị Hoài Như	24	6	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Hồng Phong	14,00		14,00	Nhất
61	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Phương Thảo	17	05	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Quý Đôn	10,75		10,75	Ba
62	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Thị Nguyên	17	11	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Quý Đôn	14,00		14,00	Nhất
63	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Trần Thị Phương Thảo	05	01	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Quý Đôn	9,90	3,75	13,65	Khuyến khích
64	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Hồ Nữ Anh Thy	30	3	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Chu Văn An	11,70	2,50	14,20	Khuyến khích
65	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Phạm Tín Nghĩa	22	12	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Tất Thành	12,00	2,50	14,50	Khuyến khích
66	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Vương Kiệt	2	2	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Chu Văn An	11,85	2,75	14,60	Khuyến khích
67	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Lê Thị Thu Trang	8	2	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Tất Thành	11,10	3,75	14,85	Ba
68	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Lê Phương Hàn Ny	7	10	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Chu Văn An	11,40	3,50	14,90	Ba
69	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Đặng Khiết Như	27	2	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Tất Thành	12,50	3,00	15,50	Ba
70	Tin học	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Phạm Đức Cương	18	05	2005	Đắk Nông	Kinh	Nam	8	THCS Lê Quý Đôn	10,00		10,00	Khuyến khích
71	Tin học	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Trần Hiếu	10	1	2005	Đắk Nông	Kinh	Nam	8	THCS Nguyễn Chí Thanh	13,20		13,20	Ba
72	Tin học	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Trung Kiên	22	8	2004	Đắk Lắk	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Tất Thành	15,00		15,00	Nhì
73	Toán	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Trương Nữ Quỳnh Như	9	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Chu Văn An	8,75		8,75	Khuyến khích
74	Toán	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Trương Thành Tâm	26	9	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Chu Văn An	9,50		9,50	Khuyến khích
75	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Trần Thị Thùy Linh	20	4	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Hồng Phong	8,25		8,25	Khuyến khích
76	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Trần Thị Thu Hiền	05	02	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Quý Đôn	10,00		10,00	Khuyến khích
77	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Trần Nguyễn Cẩm Nga	14	5	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Tất Thành	12,00		12,00	Ba
78	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Nguyễn Phạm Minh Hiếu	13	10	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Tất Thành	12,50		12,50	Nhì
79	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Phan Thị Ngọc Uyên	4	7	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Chí Thanh	13,25		13,25	Nhì
80	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Mil	Kim Mạnh Cường	23	3	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Chí Thanh	14,00		14,00	Nhì
81	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Phan Thị Hà Vy	30	3	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A	THCS Nguyễn Công Trứ	9,00		9,00	Khuyến khích
82	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Lê Thị Cường	23	3	2004	Nghệ An	Kinh	Nữ	9a1	THCS Lý Tự Trọng	11,50		11,50	Ba
83	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Lê Thị Thanh Trúc	20	1	2004	Bình Phước	Kinh	Nữ	9A3	THCS Nguyễn Trãi	12,00		12,00	Ba
84	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Lê Gia Mẫn	18	9	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9E	THCS Nguyễn Du	12,00		12,00	Khuyến khích
85	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Trần Thị Thùy Lên	15	7	2004	Đắk Lắk	Kinh	Nữ	9A3	THCS Trần Quốc Toản	12,50		12,50	Khuyến khích
86	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Nguyễn Nam Khánh	1	10	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9E	THCS Nguyễn Du	13,75		13,75	Ba
87	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Hoàng Yến Nhi	21	8	2004	Lâm Đồng	Nùng	Nữ	9D	THCS Nguyễn Du	14,00		14,00	Ba

TT	Môn thi	Phòng GDĐT	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Dân tộc	Nam /Nữ	Nơi học		Điểm thi			Đạt giải
				Ngày	Tháng	Năm				Lớp	Trường	Tự luận	Thi nói	Tổng	
88	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Nguyễn Ngọc Thiện Ân	16	9	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9G	THCS Nguyễn Du	8,00		8,00	Khuyến khích
89	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Đậu Thế Bách	10	4	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9E	THCS Nguyễn Du	11,00		11,00	Ba
90	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Chử Thị Ngọc Thúy	25	10	2004	Bình Dương	Kinh	Nữ	9G	THCS Nguyễn Du	10,50		10,50	Khuyến khích
91	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Vũ Thị Thu Khiêm	29	11	2004	Bình Phước	Kinh	Nữ	9A2	THCS Lương Thế Vinh	12,00		12,00	Nhì
92	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Đoàn Ngọc Bảo Ly	25	8	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A1	THCS Trần Quốc Toản	13,00		13,00	Nhì
93	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Thái Kim Trang	1	8	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A2	THCS Lương Thế Vinh	13,50		13,50	Nhì
94	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Nguyễn Thị Thu Hằng	10	4	2004	Quảng Trị	Kinh	Nữ	9A1	THCS Võ Văn Kiệt	14,00		14,00	Nhất
95	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Nguyễn Đào Vân Anh	1	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9D	THCS Nguyễn Du	9,50		9,50	Khuyến khích
96	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Phạm Trần Kim Ngân	14	3	2004	Lâm Đồng	Kinh	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Văn Linh	9,75		9,75	Khuyến khích
97	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Trần Thị Yến Nhi	8	5	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Trãi	10,25		10,25	Khuyến khích
98	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Nguyễn Thị Anh Thư	22	11	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Trãi	10,25		10,25	Khuyến khích
99	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Nguyễn Thị Thu Thủy	30	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9B	THCS Nguyễn Khuyến	10,50		10,50	Ba
100	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Bùi Thị Tuyết	18	6	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9A2	THCS Lý Tự Trọng	11,50		11,50	Ba
101	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Hoàng Thị Hoài Linh	3	2	2004	Đăk Lăk	Kinh	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Trãi	12,75		12,75	Nhì
102	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Trịnh Nguyễn Hà Vy	23	6	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	10,70	3,00	13,70	Khuyến khích
103	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Nguyễn Phạm Hà Khanh	28	2	2004	TP. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Trãi	10,80	3,75	14,55	Khuyến khích
104	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Lê Thị Bảo Trang	29	6	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9G	THCS Nguyễn Du	11,50	4,00	15,50	Ba
105	Tin học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Lê Xuân Nam	20	1	2004	Quảng Bình	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	8,56		8,56	Khuyến khích
106	Tin học	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Nguyễn Đan Huy	21	5	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9A2	THCS Nguyễn Trãi	10,80		10,80	Ba
107	Toán	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Văn Tiến Hoàng	3	4	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9G	THCS Nguyễn Du	8,50		8,50	Khuyến khích
108	Toán	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Nguyễn Trung Kiên	25	11	2004	Nam Định	Kinh	Nam	9A2	THCS Nguyễn Trãi	11,00		11,00	Ba
109	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk R'Lấp	Phạm Đăng Hoàng	15	1	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9A	THCS Nguyễn Công Trứ	8,00		8,00	Khuyến khích
110	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	25	1	2004	Nghệ An	Kinh	Nữ	9	THCS THCS&THPT DTNT	9,50		9,50	Khuyến khích
111	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Nguyễn Thị Huệ	07	07	2004	Đăk Lăk	Kinh	Nữ	9	THCS Trần Phú	9,50		9,50	Khuyến khích
112	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Phạm Minh Thư	28	1	2004	Bình Phước	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Tất Thành	11,50		11,50	Khuyến khích
113	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Ngô Văn Bình	4	10	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	10,75		10,75	Ba
114	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Hoàng Thị Phương Trinh	15	7	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9	THCS Lê Quý Đôn	10,50		10,50	Khuyến khích
115	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Vũ Thị Mai Chi	7	2	2004	Hà Nam	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	11,50		11,50	Ba
116	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Võ Kim Ngân	24	3	2004	Nghệ An	Kinh	Nữ	9	THCS Lý Thường Kiệt	11,50		11,50	Ba
117	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Lê Thị Phương	16	10	2004	Nghệ An	Kinh	Nữ	9	THCS Bế Văn Đàn	11,75		11,75	Ba

TT	Môn thi	Phòng GDĐT	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Dân tộc	Nam /Nữ	Nơi học		Điểm thi			Đạt giải
				Ngày	Tháng	Năm				Lớp	Trường	Tự luận	Thi nói	Tổng	
118	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Nguyễn Phi Khanh	24	7	2004	Đăk Lăk	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Du	11,35	2,00	13,35	Khuyến khích
119	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Nguyễn Khánh Ly	10	5	2004	Quảng Nam	Kinh	Nữ	9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	12,15	3,50	15,65	Nhì
120	Toán	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Nguyễn Văn An	26	06	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Trần Phú	8,00		8,00	Khuyến khích
121	Toán	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Nguyễn Văn Hoàng Long	8	1	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	8,75		8,75	Khuyến khích
122	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Phạm Hữu Duy Khánh	27	02	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Trần Phú	8,00		8,00	Khuyến khích
123	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Vy Quốc Huy	30	5	2004	Lâm Đồng	Nùng	Nam	9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	10,00		10,00	Khuyến khích
124	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Đăk Song	Lê Thanh Tài	19	4	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9	THCS Lê Quý Đôn	14,25		14,25	Nhì
125	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Lang Đức Tuấn	02	03	2004	Đăk Nông	Thái	Nam	9A2	THCS TT Đăk Mâm	9,00		9,00	Khuyến khích
126	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Đỗ Thị Thúy	18	09	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9C2	THCS Nam Đà	9,75		9,75	Khuyến khích
127	Địa lí	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Đặng Thị Kim Chi	30	05	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9A3	THCS Nâm N'Đir	10,00		10,00	Khuyến khích
128	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Nguyễn Việt Hoàng	11	11	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9A1	THCS Nâm N'Đir	12,50		12,50	Khuyến khích
129	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Bùi Thị Thanh Thảo	08	05	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9a2	THCS TT Đăk Mâm	10,00		10,00	Ba
130	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Nguyễn Thị Ánh	27	04	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9C2	THCS Nam Đà	11,00		11,00	Ba
131	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Chìu Thị Hoa	26	09	2002	Đăk Nông	Dao	Nữ	9A1	THCS Nâm N'Đir	11,50		11,50	Nhì
132	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Huỳnh Thị Lan Hương	06	01	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9C4	THCS Nam Đà	11,50		11,50	Nhì
133	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Hoàng Thị Phương Vy	04	10	2004	Đồng Nai	Kinh	Nữ	9A2	THCS Tân Thành	12,00		12,00	Nhì
134	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Phạm Quang Huy	14	02	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9C4	THCS Nam Đà	13,50		13,50	Nhì
135	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Huỳnh Văn Quí	08	01	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9C4	THCS Nam Đà	15,50		15,50	Nhất
136	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Trần Thị Xuân Hiền	17	04	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9c4	THCS Nam Đà	10,50		10,50	Khuyến khích
137	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Lương Thị Thơm Thiết	15	10	2004	Đăk Nông	Thái	Nữ	9D2	THCS Lý Tự Trọng	10,50		10,50	Khuyến khích
138	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Vũ Thi Ngọc Linh	05	02	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9A1	THCS Đăk Drô	12,00		12,00	Nhì
139	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Lý Thị Nương	08	08	2004	Đăk Nông	Tày	Nữ	9A	THCS Buôn Choah	12,00		12,00	Nhì
140	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Lê Hồng Vân	21	02	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9A2	THCS TT Đăk Mâm	14,00		14,00	Nhất
141	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Lê Thị Thùy Linh	13	11	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9A2	THCS Tân Thành	9,75		9,75	Khuyến khích
142	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Nguyễn Trang Nhật Linh	10	01	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9A2	THCS TT Đăk Mâm	10,25		10,25	Khuyến khích
143	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Bùi Tấn Kiên	08	03	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9c4	THCS Nam Đà	12,00		12,00	Nhì
144	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Thái Phương Kiều Thảo	29	01	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9A1	THCS Nâm N'Đir	12,25		12,25	Nhì
145	Sinh học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Nguyễn Thị Hoa	13	04	2004	Bắc Giang	Kinh	Nữ	9A	THCS Buôn Choah	13,00		13,00	Nhì
146	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Nguyễn Trịnh Bảo Trung	25	07	2004	Đắk Lắk	Kinh	Nam	9A2	THCS TT Đăk Mâm	9,60	3,75	13,35	Khuyến khích
147	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Phạm Trần Dạ Thảo	11	03	2004	Đắk Lắk	Kinh	Nữ	9C4	THCS Nam Đà	12,10	2,75	14,85	Ba

TT	Môn thi	Phòng GDĐT	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Dân tộc	Nam /Nữ	Nơi học		Điểm thi			Đạt giải
				Ngày	Tháng	Năm				Lớp	Trường	Tự luận	Thi nói	Tổng	
148	Tiếng Anh	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Hoàng Thị Trúc Ly	03	05	2005	Đắk Lắk	Kinh	Nam	8B	THCS Quảng Phú	12,00	3,50	15,50	Ba
149	Tin học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Đỗ Đức Mạnh	11	02	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9A1	THCS TT Đăk Mâm	8,00		8,00	Khuyến khích
150	Tin học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Lê Quốc Bảo	04	10	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9A3	THCS TT Đăk Mâm	9,20		9,20	Khuyến khích
151	Tin học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Nguyễn Dương Thanh Thảo	10	02	2005	Đăk Nông	Kinh	Nữ	8A2	THCS TT Đăk Mâm	12,70		12,70	Ba
152	Tin học	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Đặng Quốc Anh	10	07	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9A2	THCS TT Đăk Mâm	14,80		14,80	Nhì
153	Toán	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Trần Đình Đàn	02	5	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9a2	THCS TT Đăk Mâm	8,00		8,00	Khuyến khích
154	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Trần Lê Lan Anh	26	05	2004	Đăk Lăk	Kinh	Nữ	9A2	THCS TT Đăk Mâm	8,25		8,25	Khuyến khích
155	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Trần Phú Quí	26	06	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9C4	THCS Nam Đà	9,00		9,00	Khuyến khích
156	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Phan Hải Vi	30	07	2004	Đăk Lăk	Kinh	Nữ	9A2	THCS TT Đăk Mâm	9,00		9,00	Khuyến khích
157	Vật lí	Phòng GDĐT huyện Krông Nô	Nguyễn Khánh Toàn	01	08	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9A2	THCS TT Đăk Mâm	11,25		11,25	Ba
158	Hóa học	Phòng GDĐT huyện Tuy Đức	Doãn Đình Hảo	12	7	2004	Đắk Nông	Kinh	Nam	9E	THCS Đắk Búk So	11,50		11,50	Khuyến khích
159	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Tuy Đức	Đào Hải Biển	1	1	2004	Hà Tĩnh	Kinh	Nữ	9A	THCS Bu PRăng	8,25		8,25	Khuyến khích
160	Lịch sử	Phòng GDĐT huyện Tuy Đức	Hoàng Mai Như Ý	31	01	2004	Quảng Bình	Kinh	Nữ	9E	THCS Đắk Búk So	8,25		8,25	Khuyến khích
161	Ngữ văn	Phòng GDĐT huyện Tuy Đức	Nguyễn Thị Thảo	20	6	2004	Đắk Nông	Kinh	Nữ	9E	THCS Đắk Búk So	10,50		10,50	Khuyến khích
162	Tin học	Phòng GDĐT huyện Tuy Đức	Ngô Đức Mạnh	7	12	2004	Long An	Kinh	Nam	9B	THCS Nguyễn Du	14,40		14,40	Nhì
163	Địa lí	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Phan Xuân Đức	25	07	2004	Đăk Nông	Kinh	Nam	9B	THCS Trần Phú	12,00		12,00	Ba
164	Địa lí	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Cao Thị Thanh Thương	01	02	2004	Thái Bình	Kinh	nữ	9A2	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	13,75		13,75	Nhất
165	Hóa học	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Anh Khôi	22	03	2004	Quảng Trị	Kinh	nam	9A1	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	13,50		13,50	Ba
166	Hóa học	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Trần Ifa	24	10	2004	Bình Phước	Kinh	nam	9D	THCS Trần Phú	15,75		15,75	Nhì
167	Hóa học	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Thúy Hiền	28	05	2004	Đăk Nông	Kinh	nữ	9D	THCS Trần Phú	17,50		17,50	Nhất
168	Lịch sử	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Đặng Thị Thanh Huyền	27	02	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9C	THCS Trần Phú	8,25		8,25	Khuyến khích
169	Lịch sử	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Thị Thơ	08	04	2004	Đăk Nông	Kinh	nữ	9A7	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	8,50		8,50	Khuyến khích
170	Lịch sử	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Bùi Thị Huyền Trang	10	01	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	8,50		8,50	Khuyến khích
171	Ngữ văn	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Trần Thị Kim Chi	29	06	2004	Bình Định	Kinh	Nữ	9B	THCS Nguyễn Chí Thanh	11,00		11,00	Khuyến khích
172	Ngữ văn	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Vũ Kim Anh	14	02	2004	Lâm Đồng	Kinh	Nữ	9B	THCS Phan Bội Châu	11,50		11,50	Ba
173	Ngữ văn	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Trần Hoàng Ngân	21	08	2004	Quảng Bình	Kinh	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	11,50		11,50	Ba
174	Ngữ văn	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Phạm Quỳnh Như	21	03	2004	Hà Tĩnh	Kinh	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	11,50		11,50	Ba
175	Ngữ văn	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Trịnh Tô Như Tuyền	17	11	2004	Lâm Đồng	Kinh	Nữ	9B	THCS Phan Bội Châu	11,50		11,50	Ba
176	Ngữ văn	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Trần Thị Tú Anh	27	02	2004	Nghệ An	Kinh	Nữ	9A3	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	12,00		12,00	Nhì
177	Sinh học	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Hà Kiều Anh	12	04	2004	Đăk Nông		Nữ	9C	THCS Trần Phú	10,00		10,00	Khuyến khích

TT	Môn thi	Phòng GDĐT	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Dân tộc	Nam /Nữ	Nơi học		Điểm thi			Đạt giải
				Ngày	Tháng	Năm				Lớp	Trường	Tự luận	Thi nói	Tổng	
178	Sinh học	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Thị Hương Quyết	09	09	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9C	THCS Trần Phú	10,25		10,25	Khuyến khích
179	Sinh học	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Bảo Thy	27	11	2004	TP HCM		Nữ	9C	THCS Trần Phú	11,50		11,50	Ba
180	Tiếng Anh	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Lại Bích Phượng	31	03	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9A3	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	10,90	3,00	13,90	Khuyến khích
181	Tiếng Anh	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Huy Phước	10	12	2004	Dải Dương	Kinh	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	11,70	3,00	14,70	Khuyến khích
182	Tiếng Anh	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Phạm Trần Khánh Trân	03	07	2004	Hà Tĩnh	Kinh	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	11,90	3,50	15,40	Ba
183	Tiếng Anh	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Ngô Nguyễn Minh Thành	28	11	2004	Quảng Bình	Kinh	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	12,80	2,75	15,55	Nhì
184	Tiếng Anh	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Hoàng Ngọc Anh Nguyên	24	07	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9C	THCS Trần Phú	12,80	3,00	15,80	Nhì
185	Tiếng Anh	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Thị Ngọc Minh	07	11	2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	12,40	3,75	16,15	Nhì
186	Tiếng Anh	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Phương Thảo	22	03	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9C	THCS Trần Phú	12,70	4,50	17,20	Nhất
187	Tin học	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Nguyễn Hoàng Anh	28	09	2004	Phú Thọ	Kinh	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	15,40		15,40	Nhì
188	Tin học	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Đặng Thành Sơn	20	12	2004	Bình Định	Kinh	Nam	9A2	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	16,20		16,20	Nhất
189	Toán	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Mai Thị Thanh Loan	30	07	2004	Nam Định	Kinh	Nữ	9C	THCS Trần Phú	9,00		9,00	Khuyến khích
190	Toán	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Trần Nguyễn Anh Hào	08	12	2004	Quãng Ngãi	Kinh	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	10,00		10,00	Ba
191	Vật lí	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Đỗ Thị Thùy Linh	29	04	2004	Đăk Nông	Kinh	Nữ	9A3	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	11,00		11,00	Ba
192	Vật lí	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Phan Nguyễn Kim Anh	14	01	2004	Khánh Hòa	Kinh	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	12,00		12,00	Ba
193	Vật lí	Phòng GDĐT thị xã Gia Nghĩa	Phan Thanh Quang Huy	09	02	2004	Thừa Thiên Huế	Kinh	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	12,25		12,25	Ba

Danh sách này có 193 thí sinh./.